

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN BÙ ĐÓP **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 04 /NQ-HĐND

Bù Đốp, ngày 20 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
Thông qua kế hoạch điều chỉnh đầu tư công
trung hạn giai đoạn 2021-2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐÓP
KHOÁ V, KỲ HỌP THỨ BA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện Bù Đốp thông qua kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 86/TTr-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của UBND huyện; Báo cáo số 21/BC-HĐND-KTXH ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và ý kiến đóng góp của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 với các nội dung như sau:

I. Nguyên tắc, thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công:

1. Việc phân bổ vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 phải phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021 - 2025 của huyện.

2. Phân bổ chi tiết 90% số vốn kế hoạch trung hạn nguồn ngân sách huyện giai đoạn 2021 - 2025; 10% dự phòng để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn, chủ động cân đối vốn trong trường hợp nguồn thu không đạt kế hoạch.

3. Bố trí tập trung, khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư; bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn đầu tư công.

4. Không bố trí vốn cho chương trình, dự án không thuộc lĩnh vực đầu tư công.

5. Thực hiện bố trí vốn theo thứ tự ưu tiên sau:

- Bố trí vốn để thanh toán dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản.
- Bố trí đủ vốn cho các dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong giai đoạn 2021 - 2025.
- Bố trí vốn cho các dự án khởi công mới thật sự cấp thiết, giải quyết những vấn đề bức xúc của ngành, lĩnh vực, địa phương.

II. Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021 – 2025:

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn đoạn 2021 – 2025 là 1.383 tỷ 502 triệu đồng, bao gồm:

1. Vốn ngân sách huyện: 1.292 tỷ 152 triệu đồng.
2. Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ (làm đường BTXM): 6 tỷ 864 triệu đồng.
2. Vốn tỉnh hỗ trợ có mục tiêu xây dựng 40 phòng học: 28 tỷ đồng.
3. Vốn chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (ngân sách tỉnh): 56 tỷ 486 triệu đồng.

III. Phương án phân bổ:

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn đoạn 2021 – 2025 là 1.383 tỷ 502 triệu đồng, trong đó bố trí:

1. Dự phòng 10% vốn ngân sách huyện là 117 tỷ 468 triệu đồng.
2. Phân bổ chi tiết 90% là 1.266 tỷ 034 triệu đồng, trong đó:
 - 2.1. Dự án chuyển tiếp: 51 tỷ đồng.
 - 2.2. Dự án khởi công mới: 1.215 tỷ 034 triệu đồng.

(Kèm theo biểu tổng hợp, biểu số 1, biểu số 2, biểu số 3, biểu số 4)

Điều 2. Giao Ủy ban Nhân dân huyện tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban Hội đồng nhân dân huyện và các đại biểu Hội đồng Nhân dân huyện giám sát việc thực hiện.



Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Bù Đốp khóa V, kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện Bù Đốp thông qua kế hoạch điều chỉnh đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND - UBND tỉnh;
- TT.HU - HĐND - UBND - UBMTTQVN huyện;
- Các ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành huyện;
- HĐND - UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, CV các khối;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Lương Chanh Huân



BIỂU TỔNG HỢP

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 04/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Bù Đốp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025				Kế hoạch điều chỉnh vốn trung hạn 2021-2025				Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				
			Phân bổ chi tiết (90%)	Dự phòng (10%)		Phân bổ chi tiết (90%)	Dự phòng (10%)			
	TỔNG SỐ	930.332	845.756	84.576	1.383.502	1.266.034	117.468			
1	Vốn ngân sách huyện	868.064	783.488	84.576	1.292.152	1.174.684	117.468			
2	Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ (làm đường BTXM)				6.864	6.864	-			
3	Vốn tỉnh hỗ trợ có mục tiêu xây dựng 40 phòng học	28.000	28.000	-	28.000	28.000	-			
4	Vốn chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	34.268	34.268	-	56.486	56.486	-			

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 04/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Bù Đốp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn năm 2021			Vốn năm 2022			Chủ đầu tư	Ghi chú
								Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ	Ngân sách huyện	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ	Ngân sách huyện		
	TỔNG CỘNG				1.186.741	783.488	1.181.548	147.134	55.386	142.748	298.796	2.478	245.818		
A	NĂM 2021				362.983	272.451	362.819	147.134	55.386	142.748	142.143	2.478	88.665		
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2016-2020				51.000	51.000	51.000	51.000	51.000	51.000	51.000				
II	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI				311.983	221.451	311.819	96.134	4.386	91.748	91.143	2.478	88.665		
II.1	LĨNH VỰC GIAO THÔNG				225.612	136.015	225.448	78.132	4.386	73.746	75.962	2.478	73.484		
1	Xây dựng đường GTNT ấp Bà Tam xã Hưng Phước	Xã Hưng Phước	2021	1800m	6.325	6.325	6.325	2.300		2.300	2.612		2.612	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
2	Xây dựng đường GTNT ấp 5 đi ấp Phước Tiến xã Hưng Phước	Xã Hưng Phước	2021	1100m	5.627	5.627	5.627	2.100		2.100	2.271		2.271	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
3	Nâng cấp đường GTNT ấp Tân Hưng xã Phước Thiện	Xã Phước Thiện	2021	831m	4.115	4.115	4.115	1.500		1.500	1.696		1.696	UBND xã Phước Thiện	
4	Nâng cấp đường GTNT ấp Điện Ảnh xã Phước Thiện	Xã Phước Thiện	2021	960m	3.035	3.035	3.035	1.100		1.100	1.280		1.280	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
5	Nâng cấp đường GTNT ấp Mười Mẫu xã Phước Thiện	Xã Phước Thiện	2021	2800m	5.995	5.995	5.995	2.500		2.500	2.156		2.156	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
6	Xây dựng đường GTNT ấp 6 đi ấp 10, ấp 1 đi ấp 4 xã Thiện Hưng	Xã Thiện Hưng	2021	4900m	14.995	14.995	14.995	5.000		5.000	6.802		6.802	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
7	Đường làng nhựa tổ 3, tổ 4 ấp 2 xã Thanh Hòa	Xã Thanh Hòa	2021	2800m	4.585	4.585	4.585	2.200		2.200	1.293		1.293	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
8	Đường làng nhựa tổ 3, tổ 4 ấp 5 xã Thanh Hòa	Xã Thanh Hòa	2021	1900m	4.064	4.064	4.064	1.938		1.938	1.218		1.218	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
9	Xây dựng các tuyến đường ấp 2, ấp 3, ấp 8 xã Thanh Hòa	Xã Thanh Hòa	2021	4500m	8.729	8.729	8.729	3.000		3.000	3.846		3.846	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
10	Xây dựng các tuyến đường ấp 5, ấp 9 xã Thanh Hòa	Xã Thanh Hòa	2021	3900m	11.096	11.096	11.096	3.100		3.100	5.354		5.354	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn năm 2021			Vốn năm 2022			Chức năng đầu tư	Ghi chú
								Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ	Ngân sách huyện	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ	Ngân sách huyện		
11	Nâng cấp đường GTNT ấp Tân Phước xã Tân Tiến	Xã Tân Tiến	2021	1700m	2.394	2.394	2.394	900		900	959		959	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
12	Nâng cấp đường GTNT ấp Sóc Nè, ấp Tân Thuận, ấp Tân An xã Tân Tiến	Xã Tân Tiến	2021	3500m	5.153	5.153	5.153	2.100		2.100	1.902		1.902	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
13	Xây dựng đường nhựa ấp Tân Bình xã Tân Tiến	Xã Tân Tiến	2021	3700m	6.697	6.697	6.697	3.700		3.700	1.501		1.501	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
14	Nâng cấp đường GTNT tổ 25 ấp Tân Hội xã Tân Thành	Xã Tân Thành	2021	2000m	3.335	3.335	3.335	1.400		1.400	1.190		1.190	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
15	Nâng cấp đường GTNT tổ 28 ấp Tân Phong xã Tân Thành	Xã Tân Thành	2021	1700m	2.907	2.907	2.907	2.200		2.200	-		-	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
16	Nâng cấp đường Khu phố Thanh Bình thị trấn Thanh Bình	Thị trấn Thanh Bình	2021	800m	1.960	1.960	1.960	700		700	793		793	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
17	Nâng cấp đường Khu phố Thanh Xuân thị trấn Thanh Bình	Thị trấn Thanh Bình	2021	1200m	4.484	4.484	4.484	1.700		1.700	1.812		1.812	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
18	Xây dựng đường GTNT kết nối Cầu Bình Thắng	Xã Thanh Hòa	2021	280m	1.500	1.500	1.500	500		500	-		-	UBND xã Thanh Hòa	
19	Nâng cấp, mở rộng đường từ Thôn 1 xã Thiện Hưng đi Trung Đoàn 717	Xã Thiện Hưng	2021	2.045m	20.719	20.719	20.719	5.000		5.000	10.000		10.000	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
20	Nâng cấp đường GTNT ấp 5, ấp 9 xã Thanh Hoà	Xã Thanh Hòa	2021	2.000m	3.500	3.500	3.500	1.000		1.000	1.351		1.351	UBND xã Thanh Hoà	
21	Nâng cấp đường GTNT ấp Tân Nhân - Tân Nghĩa xã Tân Tiến	Xã Tân Tiến	2021	2.000m	3.500	3.500	3.500	1.000		1.000	1.751		1.751	UBND xã Tân Tiến	
22	Nâng cấp đường GTNT ấp Tân Thuận xã Tân Tiến	Xã Tân Tiến	2021	800m	1.000	1.000	836	746		746	-		-	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
23	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT từ ấp 4, ấp Đại Tam đi trung tâm xã Hưng Phước	Xã Hưng Phước	2021	3.000m	5.300	5.300	5.300	1.600		1.600	2.596		2.596	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
24	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT ấp Tân Hưng xã Phước Thiện	Xã Phước Thiện	2021	600m	5.000	5.000	5.000	1.500		1.500	1.101		1.101	UBND xã Phước Thiện	
25	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT từ Ngã tư Thôn 6 đi Thôn 10 xã Thiện Hưng	Xã Thiện Hưng	2021	4.053m	29.597		29.597	15.600		15.600	10.000		10.000	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	
26	Đường GTNT, sân bóng đá tổng xi măng theo cơ chế đặc thù	Huyện Bù Đốp			60.000		60.000	13.748	4.386	9.362	12.478	2.478	10.000		
II.2	LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG - AN NINH				5.476	5.476		2.900	-	2.900	1.547	-	1.547		
1	Xây dựng nhà công vụ Công an xã Thanh Hòa	Xã Thanh Hòa	2021	215m2	1.453	1.453	1.453	500		500	884		884	UBND xã Thanh Hòa	

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn năm 2021			Vốn năm 2022			Chủ đầu tư	Ghi chú
								Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ	Ngân sách huyện	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ	Ngân sách huyện		
2	Xây dựng nhà làm việc khối quản lý hành chính Công an huyện Bù Đốp	Thị trấn Thanh Bình	2021	505m2	4.023	4.023	4.023	2.400		2.400	663		663	Công an huyện	
II.3	LĨNH VỰC GIAO DƯC				22.515	22.515	22.515	3.967	-	3.967	5.612	-	5.612		
1	Xây dựng 06 phòng bộ môn luật, 05 phòng làm việc và hàng rào, sân bê tông Trường THPT THCS Phước Thiện	Xã Phước Thiện	2022-2025	11 Phòng (1200m2)	10.000	10.000	10.000	-			-			Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
2	Xây dựng 02 phòng thư viện Trường Tiểu học Tân Thành A	Xã Tân Thành	2021	300m2	2.142	2.142	2.142	800		800	832		832	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
3	Xây dựng nhà tập đa năng Trường Trung học cơ sở Tân Thành	Xã Tân Thành	2021	450m2	2.810	2.810	2.810	1.000		1.000	1.142		1.142	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
4	Xây dựng nhà tập đa năng Trường Trung học cơ sở Thanh Bình	Thị trấn Thanh Bình	2021	457m2	2.865	2.865	2.865	1.000		1.000	1.183		1.183	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
5	Xây dựng 04 phòng học, nhà giáo dục thể chất Trường Tiểu học Thiện Hưng C	Xã Thiện Hưng	2022-2025	350m2	4.698	4.698	4.698	1.167		1.167	2.455		2.455	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
II.4	LĨNH VỰC Y TẾ				12.880	12.880	12.880	4.000	-	4.000	5.374	-	5.374		
1	Xây dựng khu hành chính và cấp cứu Bệnh viện Đa khoa huyện Bù Đốp	Thị trấn Thanh Bình	2021	750m2	12.880	12.880	12.880	4.000		4.000	5.374		5.374	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
II.5	LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI				45.500	44.565	45.500	7.135	-	7.135	2.648	-	2.648		
1	Xây dựng nhà văn hóa ấp 5 xã Hưng Phước	Xã Hưng Phước	2021	177m2	1.644	1.644	1.644	600		600	966		966	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
2	Xây dựng nhà văn hóa ấp 6 xã Hưng Phước	Xã Hưng Phước	2021	177m2	1.470	1.470	1.470	600		600	800		800	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
3	Xây dựng nhà văn hóa ấp 3 xã Hưng Phước	Xã Hưng Phước	2021	177m2	1.451	1.451	1.451	500		500	882		882	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
4	Mở rộng khu dân cư và xây dựng thiết chế Văn hóa xã Thiện Hưng	Xã Thiện Hưng	2021-2025	30ha	40.000	40.000	40.000	4.500		4.500	-		-	Phòng Tài nguyên - Môi trường	
5	Trích đo địa chính, cắm mốc ranh và bồi thường GPMB Dự án xây dựng điểm dân cư liền kề chốt dân quân biên giới xã Tân Thành, xã Phước Thiện và xã Hưng Phước	Huyện Bù Đốp	2021		935		935	935		935	-		-	Trung tâm phát triển quỹ đất huyện	
B	NĂM 2022-2025				823.758	511.037	818.729	-	-	-	156.653	-	156.653		
	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI				823.758	511.037	818.729	-	-	-	156.653	-	156.653		
I	LĨNH VỰC GIAO THÔNG				552.882	318.267	552.853	-	-	-	121.738	-	121.738		
1	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT ấp 6 xã Hưng Phước	Xã Hưng Phước	2022-2025	1.500m	6.000	6.000	5.971	-			1.800		1.800	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn năm 2021			Vốn năm 2022			Chủ đầu tư	Ghi chú
								Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ	Ngân sách huyện	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ	Ngân sách huyện		
2	Xây dựng đường GTNT ấp Tân Trạch xã Phước Thiện	Xã Phước Thiện	2022-2025	1.500m	6.000	6.000	6.000	-	-	-	1.791	-	1.791	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
3	Xây dựng đường GTNT ấp Điện Ảnh xã Phước Thiện	Xã Phước Thiện	2022-2025	3.000m	12.000	12.000	12.000	-	-	-	3.000	-	3.000	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
4	Xây dựng đường GTNT ấp Mười Mầu xã Phước Thiện	Xã Phước Thiện	2022-2025	1.500m	6.000	6.000	6.000	-	-	-	1.800	-	1.800	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
5	Xây dựng đường GTNT Thôn 10 xã Thiện Hưng đi ấp Mười Mầu xã Phước Thiện	Xã Thiện Hưng	2022-2025	2.000m	8.000	8.000	8.000	-	-	-	4.000	-	4.000	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
6	Nâng cấp đường GTNT từ Thôn 1 đi Thôn 4 xã Thiện Hưng	Xã Thiện Hưng	2022-2025	1.500m	6.000	6.000	6.000	-	-	-	5.700	-	5.700	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
7	Xây dựng đường GTNT ấp 3 xã Thanh Hoà	Xã Thanh Hòa	2022-2025	1.000m	4.000	4.000	4.000	-	-	-	1.000	-	1.000	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
8	Xây dựng đường GTNT ấp 7 xã Thanh Hoà	Xã Thanh Hòa	2022-2025	1.500m	5.000	5.000	5.000	-	-	-	1.500	-	1.500	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
9	Xây dựng đường GTNT tổ 1 đi tổ 6 ấp 7 xã Thanh Hoà	Xã Thanh Hòa	2022-2025	1.000m	4.000	4.000	4.000	-	-	-	1.500	-	1.500	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
10	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT ấp 4 xã Thanh Hoà	Xã Thanh Hòa	2022-2025	1.200m	4.000	4.000	4.000	-	-	-	2.000	-	2.000	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
11	Xây dựng đường GTNT từ ấp Tân Bình đi ấp Tân Nghĩa xã Tân Tiến	Xã Tân Tiến	2022-2025	2.000m	5.000	5.000	5.000	-	-	-	2.000	-	2.000	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
12	Nâng cấp đường GTNT tổ 19 ấp Tân Lợi xã Tân Thành	Xã Tân Thành	2022-2025	1.000m	3.000	3.000	3.000	-	-	-	1.097	-	1.097	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
13	Xây dựng đường GTNT từ đường DT 759B đi ấp 4 xã Hưng Phước (khu tái định cư đập thủy lợi Đa Tam) ra đường tuần tra biên giới	Xã Hưng Phước	2022-2025	4500m	11.250	11.250	11.250	-	-	-	-	-	-		
14	Xây dựng đường GTNT từ đường DT 759B (ấp 3 xã Hưng Phước) đi đường tuần tra biên giới	Xã Hưng Phước	2022-2025	5000m	12.500	12.500	12.500	-	-	-	-	-	-		
15	Xây dựng đường GTNT từ đường DT 759B (Chợ biên giới cũ) đi đường tuần tra biên giới (Khu dân cư liên kề chốt Dân quân biên giới xã Hưng Phước)	Xã Hưng Phước	2022-2025	3000m	7.500	7.500	7.500	-	-	-	-	-	-		

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn năm 2021			Vốn năm 2022			Chủ đầu tư	Ghi chú
								Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ	Ngân sách huyện	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ	Ngân sách huyện		
16	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT từ DT 759 đi thôn 3 xã Thiện Hưng	Xã Thiện Hưng	2022-2025	3000m	12.000	25.000	12.000	-			9.000		9.000	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
17	Xây dựng đường từ đường DT 759B (đổi chi khu) đi thôn 1, thôn 4, thôn 5, thôn 7 xã Thiện Hưng đi đôn Biên Phòng Thanh Hóa ra đường tuần tra biên giới	Xã Thiện Hưng	2022-2025	6000m	15.000	15.000	15.000	-			-				
18	Đường vành đai từ DT 759B ấp 2 xã Thanh Hòa (ngã ba Bông Láng) đến trung tâm thương mại huyện Bù Đốp	Xã Thanh Hòa	2022-2025	6000m	15.000	15.000	15.000	-			-				
19	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã từ Cầu khu phố Thanh Xuân thị trấn Thanh Bình đến ấp 9 xã Thanh Hòa, huyện Bù Đốp (Kết nối với Cầu Bình Thắng xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập)	Xã Thanh Hòa	2022-2025	10000m	23.517	23.517	23.517	-			-				
20	Xây dựng đường liên xã từ đường DT 759 (cầu Sông Bé) xã Thanh Hoài đi xã Tân Tiến, xã Tân Thanh	Huyện Bù Đốp	2022-2025	15000m	37.500	37.500	37.500	-			-				
21	Xây dựng đường từ đường DT 759B (đoạn nối của Tân Tiến) đến khu dân cư đi chót dân quân liên kế xã Tân Thanh ra đường tuần tra biên giới	Xã Tân Tiến	2022-2025	5000m	12.500	12.500	12.500	-			-				
22	Xây dựng đường từ đường DT 759B (trung tâm xã Tân Tiến) đi xã Thanh Hòa	Xã Tân Tiến - xã Thanh Hòa	2022-2025	7000m	17.500	17.500	17.500	-			-				
23	Xây dựng đường từ đường DT 759B (chợ Tân Thành) đi xã Lộc Quang - huyện Lộc Ninh	Xã Tân Thành	2022-2025	10000m	10.000	10.000	10.000	-			-				
24	Đường vành đai 3 từ DT 759 đi trung tâm xã Thiện Hưng	Thị trấn Thanh Bình	2022-2025	1600m	16.000	16.000	16.000	-			-				
25	Đường từ ngã tư đường Công Quỳnh - Hàng Ván Thụ (thị trấn Thanh Bình) đi ấp 3 xã Thanh Hòa	Thị trấn Thanh Bình	2022-2025	2000m	20.000	20.000	20.000	-			-				
26	Đường làng nhựa từ thôn 2 xã Thiện Hưng đến Trường TH Thiện Hưng C	Xã Thiện Hưng	2022-2025	1500m	3.750	3.750	3.750	-			-				
27	Xây dựng đường ấp Tân Thuận xã Tân Tiến đi Đới 2 Trung đoàn 717	Xã Tân Tiến	2022-2025	1000m	2.000	2.000	2.000	-			-				
28	Xây dựng đường nhựa ấp Tân Hòa xã Tân Tiến	Xã Tân Tiến	2022-2025	2000m	2.400	5.000	2.400	-			700		700	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
29	Xây dựng đường nhựa ấp Tân Thuận xã Tân Tiến	Xã Tân Tiến	2022-2025	1300m	3.000	3.250	3.000	-			1.000		1.000	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
30	Nâng cấp xây cầu thay thế cầu sắt ấp Tân Hiệp xã Tân Thanh	Xã Tân Thanh	2022-2025		3.000	3.000	3.000	-			-				

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn năm 2021			Vốn năm 2022			Chủ đầu tư	Ghi chú
								Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ	Ngân sách huyện	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ	Ngân sách huyện		
31	Nâng cấp cầu suối Mười Dao ấp Tân Đông xã Tân Thành	Xã Tân Thành	2022-2025		3.000	3.000	3.000	-	-	-	-	-	-		
32	Đường GTNT ấp Tân Định xã Tân Thành	Xã Tân Thành	2022-2025	900m	2.500	2.500	2.500	-	-	-	-	-	-		
33	Đường GTNT Tồ 50B ấp Tân Đông xã Tân Thành	Xã Tân Thành	2022-2025	1.400m	3.500	3.500	3.500	-	-	-	-	-	-		
34	Nâng cấp tuyến đường tuần tra quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng thuộc Ban QL.RPH Bù Đốp	Xã Phước Thiện	2022-2025	4.500m	2.800		2.800	-	-		840		840	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	
35	Xây dựng đường sỏi đỏ ấp Thanh Sơn thị trấn Thanh Bình	Thị trấn Thanh Bình	2022-2025	1.500m	2.400		2.400	-	-		720		720	UBND thị trấn Thanh Bình	
36	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT từ Ngã tư thôn 6 đi Nong Trưỡng 5 xã Thiện Hưng	Xã Thiện Hưng	2022-2025	2.900m	20.000		20.000	-	-		7.000		7.000	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	
37	Nâng cấp đường GTNT Tồ 2 ấp Phước Tiến xã Hưng Phước	Xã Hưng Phước	2022-2025	464m	1.840		1.840	-	-		1.000		1.000	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	
38	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT Tồ 5, Tồ 8 ấp Bù Tam xã Hưng Phước	Xã Hưng Phước	2022-2025	2.392m	9.160		9.160	-	-		5.000		5.000	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	
39	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT từ ĐT.759B đi ấp Tân Thuận xã Tân Tiến	Xã Tân Tiến	2022-2025	1.872m	19.000		19.000	-	-		15.000		15.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng	
40	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT từ Sóc Nẻ xã Tân Tiến đi ấp 9 xã Thanh Hòa	Xã Thanh Hòa	2022-2025	3.500m	12.000		12.000	-	-		7.000		7.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng	
41	Thăm bệ lòng nhưa các tuyến đường Khu TT.HC huyện và đường Tồ 2, Tồ 6 Khu phố Thanh Xuân, thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp	Thị trấn Thanh Bình	2022-2025	3.500m	18.000		18.000	-	-		12.000		12.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng	
42	Xây dựng đường Nguyễn Tài Nổi dài, huyện Bù Đốp	Thị trấn Thanh Bình	2022-2025	550m	17.000		17.000	-	-					Ban QLDA đầu tư xây dựng	
43	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT từ ĐT.759 đi tồ 5,8 ấp Thanh Tâm thị trấn Thanh Bình	Thị trấn Thanh Bình	2022-2025	3.373m	19.000		19.000	-	-		11.000		11.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng	
44	Xây dựng đường sỏi đỏ từ ấp 1 xã Thanh Hòa đến Tồ 5 khu phố Thanh Bình, thị trấn Thanh Bình	Xã Thanh Hòa	2022-2025	750m	750		750	-	-		750		750	UBND xã Thanh Hòa	
45	Nâng cấp, sửa chữa đường sỏi đỏ từ khu 134 ấp Mười Mầu đi khu du lịch suối ké thuộc xã Phước Thiện	Xã Phước Thiện	2022-2025	6.000m	3.500		3.500	-	-		3.500		3.500	UBND xã Phước Thiện	
46	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống đường sỏi đỏ khu vực cấp đất an sinh xã hội thuộc các tiểu khu 59, 60, 65 xã Phước Thiện đi Khu dân cư liên kế Đồn Biên phòng Phước Thiện	Xã Phước Thiện	2022-2025	10.500m	3.500		3.500	-	-		3.500		3.500	Phòng Nông nghiệp và PTNT	

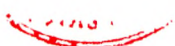
STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn năm 2021			Vốn năm 2022			Chủ đầu tư	Ghi chú
								Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ	Ngân sách huyện	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ	Ngân sách huyện		
47	Xây dựng đường giao thông đoạn từ đường Nguyễn Chí Thanh đến đường Nguyễn Lương Bằng, thị trấn Thanh Bình	Thị trấn Thanh Bình	2022-2025	242m	2.000		2.000	-			700		700	Ban QLDA đầu tư xây dựng	
48	Xây dựng nhà làm việc khối Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Đốp	Thị trấn Thanh Bình	2022-2025	1000m ²	10.000		10.000	-			3.000		3.000	Công an huyện	
49	Lắp đặt Hệ thống Camera giám sát giao thông và an ninh trên địa bàn huyện	Huyện Bù Đốp	2022-2025		2.800		2.800	-			840		840	Công an huyện	
50	Nâng cấp láng nhựa đường từ đường ĐT 759B đi rừng phòng hộ đầu nguồn xã Phước Thiện	Xã Phước Thiện	2022-2023	10.000m	22.000		22.000							Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Bổ sung
51	Nâng cấp đường giao thông vào khu vực rừng gen thuộc xã Tân Tiến	Xã Tân Tiến	2022	862m	2.500		2.500							Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Bổ sung
52	Xây dựng đường GTNT khu dân cư ấp 3 xã Thanh Hòa	Xã Thanh Hòa	2022-2023	1.700m	12.000		12.000				12.000		12.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Bổ sung
53	Xây dựng đường GTNT từ Cây Xoi ấp Bù Tam đi đường tuần tra biên giới xã Hưng Phước	Xã Hưng Phước	2022	1.935m	3.500		3.500							Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Bổ sung
54	Nâng cấp đường GTNT ấp Phước Tiến đi Đồn Biên phòng 793 xã Hưng Phước	Xã Hưng Phước	2022	1.700m	2.500		2.500							UBND xã Hưng Phước	Bổ sung
55	Nâng đường GTNT ấp 9 xã Thanh Hòa	Xã Thanh Hòa	2022	1.300m	2.365		2.365							UBND xã Thanh Hòa	Bổ sung
56	Xây dựng đường GTNT từ Tò 6 Thôn 1 đi Tò 6 Thôn 7 xã Thiện Hưng	Xã Thiện Hưng	2023	3.400m	14.000		14.000							Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Bổ sung
57	Xây dựng đường GTNT từ ấp 2 đi ấp 3 xã Thanh Hòa	Xã Thanh Hòa	2023	551m	2.200		2.200							Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Bổ sung
58	Xây dựng đường điện và trạm biến áp vào khu vực rừng gen thuộc xã Tân Tiến	Xã Tân Tiến	2023	480m	650		650							Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Bổ sung
59	Xây dựng đường giao thông từ đường DT759B đi ấp Tân Đông, xã Tân Thành đến ấp Tân Nghĩa, Tân Nhàn, Tân Phước xã Tân Tiến đi trung tâm xã Tân Tiến	Huyện Bù Đốp	2023	9.000m	45.000		45.000							Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Bổ sung
II	LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG - AN NINH				46.870	29.470	46.870	-	-	-	7.000	-	7.000		
1	Xây dựng căn cứ hậu cần kỹ thuật tại xã Thanh Hòa	Huyện Bù Đốp	2022-2025	20 ha	20.000		15.000	-			5.000		5.000	Ban CHQS huyện	
2	Xây dựng mở rộng 4 điểm Dân cư liên kế chốt dân quân biên giới	Huyện Bù Đốp	2022-2025		5.400		8.000	-			2.000		2.000	Trung tâm phát triển quỹ đất huyện	
3	Xây dựng nhà làm việc Công an xã Tân Tiến	Xã Tân Tiến	2022-2025		2.000		2.000	-			-				
4	Xây dựng trụ sở Công an xã Thanh Hòa	Xã Thanh Hòa	2022-2025		2.470		2.470	-			-				

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn năm 2021			Vốn năm 2022			Chủ đầu tư	Ghi chú
								Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ	Ngân sách huyện	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ	Ngân sách huyện		
5	Xây nhà ăn, ở cho Ban CHQS xã Tân Thành	Xã Tân Thành	2022-2025		2.000		2.000		-			-			
6	Xây dựng nhà nghỉ cán bộ, chiến sỹ Ban CHQS huyện Bù Đốp	Thị trấn Thanh Bình	2022-2025		9.000		9.000		-			-		Ban CHQS huyện	
7	Xây dựng hàng rào đại đội BB10 và Ban CHQS huyện Bù Đốp	Thị trấn Thanh Bình và xã Hưng Phước	2022-2025	800m	3.000		3.000							Ban CHQS huyện	
8	Xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã Tân Thành	Xã Tân Thành	2022-2025	250m2	3.000		3.000							Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Bổ sung
III LĨNH VỰC GIÁO DỤC															
1	Xây dựng Trường TH&THCS Phước Thiện	Xã Phước Thiện	2022-2025	3.120m2	24.650	10.000	24.650		-			7.395		Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
2	Xây dựng Nhà tập đa năng, hàng rào trường THCS Bù Đốp	Xã Thiện Hưng	2022-2025	450m2	3.500	3.500	3.500		-			1.035		Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
3	Xây dựng Phòng giáo dục thể chất trường TH Tân Tiến	Xã Tân Tiến	2022-2025	450m2	3.000	3.000	3.000		-			-			
4	Xây dựng 04 Phòng học lầu, 01 Nhà GDTC trường TH Thiện Hưng A	Xã Thiện Hưng	2022-2025		4.000	4.000	4.000		-			-			
5	Xây dựng 08 Phòng học lầu, 07 chức năng, hàng rào trường TH Tân Thành B	Xã Tân Thành	2022-2025		10.000	10.000	10.000		-			-			
6	Xây dựng 06 phòng lầu, công, hàng rào và nhà vệ sinh trường TH Thiện Hưng B	Xã Thiện Hưng	2022-2025		5.000	5.000	5.000		-			-			
7	Xây dựng 08 phòng học lầu trường MN Tuổi Thơ xã Thiện Hưng	Xã Thiện Hưng	2022-2025		8.000	8.000	8.000		-			-			
IV LĨNH VỰC Y TẾ															
1	Thiết bị y tế Bệnh viện Đa khoa huyện	Thị trấn Thanh Bình	2022-2025		4.000	4.000	4.000		-			-			
V	LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI				107.166	63.800	107.166		-			4.485	-	4.485	
1	Xây dựng nhà trưng bày, lưu giữ văn hóa	Thị trấn Thanh Bình	2022-2025		10.000	10.000	10.000		-			-			
2	Xây dựng Sân vận động huyện	Thị trấn Thanh Bình	2022-2025		40.000	40.000	40.000		-			-			
3	Xây dựng Khu nghĩa trang xã Hưng Phước	Xã Hưng Phước	2022-2025	4ha	3.000	3.000	3.000		-			-			
4	Xây dựng Nhà văn hóa cấp 4 xã Hưng Phước	Xã Hưng Phước	2022-2025	170m2	1.800	1.800	1.800		-			-			
5	Xây dựng Nhà văn hóa cấp Tân Hưng xã Phước Thiện	Xã Phước Thiện	2022-2025	170m2	2.210	1.800	2.210		-			663		663	Ban QLDA Đầu tư xây dựng



STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đầu tư trung hạn 2021-2025	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư trung hạn 2021-2025	Vốn năm 2021			Vốn năm 2022			Chủ đầu tư	Ghi chú
								Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ	Ngân sách huyện	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ	Ngân sách huyện		
6	Xây dựng Nhà văn hóa ấp Điện Ánh xã Phước Thiện	Xã Phước Thiện	2022-2025	170m ²	1.320	1.800	1.320	-	-	-	396	-	396	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
7	Xây dựng nhà văn hóa ấp Tân Trạch xã Phước Thiện	Xã Phước Thiện	2022-2025	180m ²	1.410	1.800	1.410	-	-	-	423	-	423	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
8	Xây dựng nhà văn hóa ấp Mười Mầu xã Phước Thiện	Xã Phước Thiện	2022-2025	180m ²	1.575	1.800	1.575	-	-	-	473	-	473	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
9	Xây dựng nhà văn hóa ấp Tân Lập xã Phước Thiện	Xã Phước Thiện	2022-2025	180m ²	1.861	1.800	1.861	-	-	-	558	-	558	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
10	Xây dựng nhà văn hóa thôn 3 xã Thiện Hưng	Xã Thiện Hưng	2022-2025	177m ²	1.581	-	1.581	-	-	-	474	-	474	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	
11	Xây dựng nhà văn hóa thôn 4 xã Thiện Hưng	Xã Thiện Hưng	2022-2025	177m ²	1.432	-	1.432	-	-	-	430	-	430	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	
12	Xây dựng nhà văn hóa thôn Thiện Cư xã Thiện Hưng	Xã Thiện Hưng	2022-2025	250m ²	1.560	-	1.560	-	-	-	468	-	468	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	
13	Xây dựng nhà văn hóa ấp Thanh Thủy thị trấn Thanh Bình	Thị trấn Thanh Bình	2022-2025	250m ²	2.000	-	2.000	-	-	-	600	-	600	UBND thị trấn Thanh Bình	
14	Xây dựng Nhà văn hóa Thôn 1 xã Thiện Hưng	Xã Thiện Hưng	2023	180m ²	2.500	-	2.500	-	-	-	-	-	-	UBND xã Thiện Hưng	Bổ sung
15	Xây dựng Nhà văn hóa Thôn 2 xã Thiện Hưng	Xã Thiện Hưng	2023	180m ²	2.500	-	2.500	-	-	-	-	-	-	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Bổ sung
16	Xây dựng Nhà văn hóa Thôn 6 xã Thiện Hưng	Xã Thiện Hưng	2023	180m ²	2.500	-	2.500	-	-	-	-	-	-	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Bổ sung
17	Xây dựng Nhà văn hóa Thôn 7 xã Thiện Hưng	Xã Thiện Hưng	2023	180m ²	2.500	-	2.500	-	-	-	-	-	-	UBND xã Thiện Hưng	Bổ sung
18	Xây dựng Nhà văn hóa Thôn 10 xã Thiện Hưng	Xã Thiện Hưng	2023	180m ²	2.500	-	2.500	-	-	-	-	-	-	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Bổ sung
19	Xây dựng nhà văn hóa ấp 1 xã Thanh Hòa	Xã Thanh Hòa	2023	180m ²	2.300	-	2.300	-	-	-	-	-	-	UBND xã Thanh Hòa	Bổ sung
20	Dự án chuyển đổi số giai đoạn 2022-2025	Huyện Bù Đốp	2022-2025	-	22.617	-	22.617	-	-	-	-	-	-	Phòng Văn hóa - Thông tin	Bổ sung
VI	LĨNH VỰC XÂY DỰNG				12.000	12.000	12.000	-	-	-	-	-	-		
1	Xây dựng cột mốc điểm cuối đường mòn Hồ Chí Minh	Huyện Bù Đốp	2022-2025	-	2.000	2.000	2.000	-	-	-	-	-	-		

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn năm 2021			Vốn năm 2022			Chủ đầu tư	Ghi chú
								Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ	Ngân sách huyện	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ	Ngân sách huyện		
2	Xây dựng khu TM - DV - Dân cư - Hoa viên thị trấn Thanh Bình	Thị trấn Thanh Bình	2022-2025		5.000	5.000	5.000	-			-				
3	Xây dựng Phòng tiếp công dân, hệ thống 01 cửa, Nhà Thi đấu thị trấn Thanh Bình	Thị trấn Thanh Bình	2022-2025		5.000	5.000	5.000	-			-				
VII LĨNH VỰC ĐẦU TƯ DỊCH VỤ-DU LỊCH					22.690	20.000	22.690	-	-	-	15.000	-	15.000		
1	Vốn đầu tư cho phát triển dịch vụ - du lịch giai đoạn 2022-2025 (Chương trình đột phá)	Huyện Bù Đốp	2022-2025		22.690	20.000	22.690	-	-	-	15.000	-	15.000		
1.1	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT từ thôn 10 xã Thiến Hưng đến Bến tàu khu vực du lịch sinh thái huyện Bù Đốp	Xã Thiến Hưng	2022-2025	2.600m	22.690	20.000	22.690	-			15.000		15.000	Phòng Kinh tế và Tài sản	
VIII LĨNH VỰC KINH TẾ					20.000	20.000	15.000	-	-	-	-	-	-		
1	Vốn đầu tư chủ trương đột phá chuyển dịch cây trồng, vật nuôi (Chương trình đột phá)	Huyện Bù Đốp	2022-2025		20.000	20.000	15.000	-			-				



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025
NGUỒN VỐN: TÌNH HỒ TRỢ CỐ MỤC TIÊU XÂY DỰNG 40 PHÒNG HỌC

(Kèm theo Nghị quyết số: 04/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Bù Đốp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Vốn năm 2021	Vốn năm 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
	TỔNG CỘNG				28.000	-	21.000	21.000	7.000		
	DỰ ÁN KHỎI CÔNG MỚI				28.000	-	21.000	21.000	7.000		
	LĨNH VỰC GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO			40 phòng	28.000	-	21.000	21.000	7.000		
1	Xây dựng 10 phòng học lâu Trường Tiểu học Tân Thành B (Điểm Tân Phú), huyện Bù Đốp	Xã Tân Thành	2021	10 phòng	7.000	-	5.000	5.000	2.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng	
2	Xây dựng 10 phòng học lâu Trường TH&THCS Thanh Hòa (Điểm ấp 1), huyện Bù Đốp	Xã Thanh Hòa	2021	10 phòng	7.000	-	5.000	5.000	2.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng	
3	Xây dựng 06 phòng học lâu Trường TH&THCS Thanh Hòa (Điểm ấp 9), huyện Bù Đốp	Xã Thanh Hòa	2021	06 phòng	4.200	-	3.200	3.200	1.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng	
4	Xây dựng 02 phòng học Trường Tiểu học Thiện Hưng C (Điểm Thôn 1), huyện Bù Đốp	Xã Thiện Hưng	2021	02 phòng	1.400	-	1.400	1.400	-	Ban QLDA đầu tư xây dựng	
5	Xây dựng 06 phòng học lâu Trường Tiểu học Thiện Hưng A, huyện Bù Đốp	Xã Thiện Hưng	2021	06 phòng	4.200	-	3.200	3.200	1.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng	
6	Xây dựng 06 phòng học lâu Trường Trung học cơ sở Bù Đốp, huyện Bù Đốp	Xã Thiện Hưng	2021	06 phòng	4.200	-	3.200	3.200	1.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng	



KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025
NGUỒN VỐN: CHƯƠNG TRÌNH MÔC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số: 04/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Bù Đốp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch điều chỉnh đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch đầu tư năm 2021				Kế hoạch đầu tư năm 2022			Chủ đầu tư	Ghi chú
								Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ	Ngân sách huyện	Tổng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ	Ngân sách huyện			
	TỔNG CỘNG				56.468	-	56.468	15.000	15.000	-	25.646	15.000	10.646			
	LĨNH VỰC GIAO THÔNG				56.468	-	56.468	15.000	15.000	-	25.646	15.000	10.646			
1	Xây dựng đường GTNT ấp Bù Tam đi ấp Phước Tiến xã Hưng Phước	Xã Hưng Phước	2021	2.168m	3.348	-	3.348	1.500	1.500		1.107		1.107	UBND xã Hưng Phước		
2	Xây dựng đường GTNT ấp Bù Tam xã Hưng Phước	Xã Hưng Phước	2021	3.000m	4.420	-	4.420	1.500	1.500		2.024		2.024	UBND xã Hưng Phước		
3	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT ấp 5, ấp Phước Tiến đi Trung tâm xã Hưng Phước	Xã Hưng Phước	2021	1.660m	14.000	-	14.000	6.000	6.000		4.198		4.198	UBND xã Hưng Phước		
4	Nâng cấp, láng nhựa đường từ ấp 3, ấp 4 đi Trung tâm xã Hưng Phước	Xã Hưng Phước	2021	4.586m	12.500	-	12.500	6.000	6.000		3.317		3.317	UBND xã Hưng Phước		
5	Nâng cấp đường GTNT khu vực Suối Nứa ấp Mười Mầu xã Phước Thiện	Xã Phước Thiện	2022		5.500		5.500				3.500	3.500		UBND xã Phước Thiện		
6	Nâng cấp, mở rộng đường GTNT ấp Mười Mầu - Tân Lập xã Phước Thiện	Xã Phước Thiện	2022		6.500		6.500				4.000	4.000		UBND xã Phước Thiện		
7	Nâng cấp đường GTNT ấp Tân Phước xã Phước Thiện	Xã Phước Thiện	2022		5.500		5.500				3.500	3.500		UBND xã Phước Thiện		
8	Xây dựng đường GTNT ấp Tân Hưng xã Phước Thiện	Xã Phước Thiện	2022		2.500		2.500				2.000	2.000		UBND xã Phước Thiện		
9	Xây dựng đường sỏi đỏ ấp Mười Mầu xã Phước Thiện	Xã Phước Thiện	2022		2.200		2.200				2.000	2.000		UBND xã Phước Thiện		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐÓP

BIỂU SỐ 04

DANH MỤC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP GIAI ĐOẠN 2016-2020 SANG NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số: 04/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện Bù Đốp)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định DT (số, ngày, tháng, năm ban hành)	Tổng mức đầu tư	Vốn bố trí hết năm 2020	Kế hoạch vốn năm 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
	CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP SANG NĂM 2021		135.008	56.051	51.000		
1	Xây dựng đường GTNT tổ 4, 8 ấp Thanh Thủy thị trấn Thanh Bình	1409/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	4.380	1.314	2.358	UBND thị trấn Thanh Bình	
2	Xây dựng đường GTNT tổ 6, 7, 8 ấp Thanh Tâm thị trấn Thanh Bình	1395/QĐ-UBND ngày 22/10/2019	5.361	2.408	2.198	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
3	Đường GTNT tổ 14 ấp Tân Hòa đến tổ 6 ấp Tân Bình xã Tân Tiến	1388/QĐ-UBND ngày 22/10/2019	3.673	1.102	1.896	UBND xã Tân Tiến	
4	Xây dựng đường láng nhựa tổ 4, 6, 8 ấp 3 xã Thanh Hòa	1394/QĐ-UBND ngày 22/10/2019	5.281	1.584	2.946	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
5	Xây dựng đường láng nhựa tổ 6 ấp 6 xã Thanh Hòa	1389/QĐ-UBND ngày 22/10/2019	2.785	836	1.516	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
6	Xây dựng đường láng nhựa tổ 3 ấp 8 xã Thanh Hòa	1396/QĐ-UBND ngày 22/10/2019	2.170	651	1.416	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
7	Xây dựng đường láng nhựa tổ 6 ấp 2 xã Thanh Hòa	1387/QĐ-UBND ngày 22/10/2019	4.496	1.349	2.433	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
8	Xây dựng đường GTNT tổ 4 ấp Tân Hiệp xã Tân Thành	1429/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	1.919	576	1.252	UBND xã Tân Thành	
9	XD đường Hoàng Văn Thụ nói dài	1413/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	38.744	25.772	7.543	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
10	Xây dựng 12 phòng học lâu, 6 phòng học bộ môn, 6 phòng làm việc, hàng rào trường THPTCS Thanh Hòa.	1412/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	22.763	6.829	9.342	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	

STT	Danh mục công trình, dự án	Quyết định DT (số, ngày, tháng, năm ban hành)	Tổng mức đầu tư	Vốn bố trí hết năm 2020	Kế hoạch vốn năm 2021	Chủ đầu tư	Ghi chú
11	Xây dựng 4 phòng học, 2 phòng GDNT và 4 phòng làm việc và 01 nhà ăn bán trú Trường Mẫu Giáo Thanh Hòa	1393/QĐ-UBND ngày 22/10/2019	6.885	2.066	3.280	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
12	Xây dựng 12 phòng học lầu, 6 phòng bộ môn, 6 phòng làm việc Trường TH&THCS Hưng Phước	1411/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	19.812	5.944	7.405	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
13	Xây dựng Nhà văn hóa khu phố Thanh Xuân thị trấn Thanh Bình	1391/QĐ-UBND ngày 22/10/2019	955	750	118	UBND thị trấn Thanh Bình	
14	Xây dựng Nhà văn hóa khu phố Thanh Bình thị trấn Thanh Bình	1392/QĐ-UBND ngày 22/10/2019	991	500	401	UBND thị trấn Thanh Bình	
15	XĐ Nhà văn hóa ấp Bù Tam xã Hưng Phước	1390/QĐ-UBND ngày 22/10/2019	1.066	750	293	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
16	Xây dựng nhà làm việc bộ phận một cửa xã Thanh Hòa	1414/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	646	600	36	UBND xã Thanh Hòa	
17	Xây dựng nhà làm việc bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ xã Tân Tiến	1416/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	669	505	152	UBND xã Tân Tiến	
18	Xây dựng phòng giáo dục thể chất Trường Tiểu học Tân Thanh A	1417/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	1.350	700	567	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
19	Xây dựng đường giao thông, mương thoát nước khu dân cư đường Nguyễn Huệ và đường Chu Văn An thị trấn Thanh Bình	1430/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	4.374	1.315	1.974	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	
20	Xây dựng nhà làm việc Ban lãnh đạo và Chi huy các đội nghiệp vụ Công an huyện Bù Đốp	1408/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	6.688	500	3.874	Công an huyện	

[Signature]

